

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **04/2018/HS-ST**

Ngày: 24-01-2018.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hữu Dụng

2. Bà A Yun H' Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2017/TLST-HS ngày 23-11-2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thị T, sinh năm 1961 tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quang P (đã chết) và bà Phan Thị C (đã chết); bị cáo có chồng là: Trần Minh C (là bị hại trong vụ án, đã chết) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03-9-2017, hiện đang giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Trần Minh C, sinh năm: 1960 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Anh Trần Minh N, sinh năm 1990 (là con của bị hại).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Đường TL, phường T, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Chị Trần Thị Thái H, sinh năm 1992 (là con của bị hại).

Nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Anh Trần Song B, sinh năm 1994 (là con của bị hại).

Nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Chị Trần Thị Thái H và anh Trần Song B đã ủy quyền cho anh Trần Minh N tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 05-10-2017), có mặt.

- Người làm chứng: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Đường C, phường N, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị T và ông Trần Minh C là vợ chồng và cùng sinh sống tại địa chỉ thôn 6, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông C thường uống rượu, sau đó về nhà chửi bới và đánh đập vợ, sự việc này diễn ra trong suốt thời gian vợ chồng chung sống, Phạm Thị T đã nhiều lần đề nghị ly hôn nhưng ông C không đồng ý.

Vào khoảng 16 giờ ngày 02-9-2017, ông C đi uống rượu về rồi chửi mắng nên T bức tức, T không nói gì mà đã bỏ sang nhà chị Nguyễn Thị N là hàng xóm ngụ nhờ. Đến khoảng 06 giờ ngày 03-9-2017, T đi về nhà và gặp ông C ở ngoài sân thì T nói với ông C về việc phân chia tài sản, nhưng ông C không đồng ý nên hai bên xảy ra cãi vã nhau. Một lúc sau, ông C đi vào trong nhà cầm một số giấy tờ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi ra và ném xuống đất rồi tiếp tục chửi mắng, thách thức T nhưng T vẫn không nói gì và nhặt giấy tờ lên, đi vào nhà định dắt xe mô tô ra cửa bỏ đi, thì ông C cầm ghế nhựa đuổi đánh nên T bỏ chạy xuống bếp, ông C cầm ghế ném về phía T nhưng không trúng, sau đó ông C vào nhà ngồi trên ghế ở phòng khách. Bức tức và bức xúc vì bị chửi mắng và bị ném ghế, nên T đi vào nhà bếp lấy 01 cái cuốc chạy lên nhà, hai tay cầm cuốc giơ lên cao đánh xuống trúng vào trán ông C, ông C giơ hai tay lên đỡ và chụp được cái cuốc rồi hai bên giằng co với nhau. T giật được cái cuốc rồi tiếp tục cầm cuốc đánh vào người ông C làm ông C ngã xuống nền nhà, T cầm cuốc trở sống cuốc đánh tiếp 03 cái nữa vào đầu ông C, thì thấy ông C nằm im bất động. Tưởng ông C đã chết, T dắt xe mô tô để đi đến Công an tự thú, thì nghe ông C vẫn thở khò khè nên T đi vào bếp lấy một cái cuốc khác chạy lên nhà, dùng phần sống cuốc đánh tiếp hai cái nữa vào đầu ông C thì thấy ông C không còn cử động nữa. Biết ông C đã chết nên T chạy xe mô tô đến Công an huyện K tự thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường xảy ra vụ án là nhà của vợ chồng ông Trần Minh C và Phạm Thị T, tại thôn 6, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cách 20m về hướng Bắc và 6m về hướng Tây là rẫy cà phê của gia đình ông C, cách 25m về hướng Nam là rẫy cà phê nhà ông T, cách 4m về hướng Đông là đường liên thôn. Nhà có diện tích (5,65mx3,5m), mái lợp tôn, nền đất, vách đóng ván và tôn. Trên nền nhà phát hiện tử thi Trần Minh C trong tư thế nằm nghiêng, đầu quay hướng Đông, mặt nhìn hướng Nam, tay trái giang ngang, tay phải co, hai

chân hơi co, phía trên đầu phát hiện nhiều vết máu, xung quanh phát hiện đám máu đông loang thẫm.

Kết quả khám nghiệm tử thi:

Khám ngoài: Chiều dài tử thi dài 158cm, thể tạng gầy; ngoài mặc áo khoác màu đỏ dính máu và tổ chức não, trong mặc áo thun ngắn tay, màu đen sọc trắng, dưới mặc quần thun màu xanh đen, trong mặc quần đùi màu xám, quần lót màu nâu.

Tại vùng đầu, mặt, cổ phát hiện: Trán phải có vết rách da hình cung, đỉnh phải có vết thương, sau tai phải có vết thương rách da nằm chéo, tại cằm phải có vết thương xây sát da.

Mổ tử thi phát hiện: Rạch da vùng đầu bộc lộ phát hiện tụ máu dưới da cơ vùng đầu kích thước (17 x 14)cm, vỡ lún xương vòm sọ vùng đỉnh phải thành nhiều mảnh trong diện (12 x 18)cm, rách màng cứng bán cầu đại não phải, tổ chức não phù nề, dập não và xuất huyết não.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số: 654/GĐPY, ngày 12-10-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận nguyên nhân tử vong của ông Trần Minh C là: Đa thương vùng đầu, mặt, tay, gây nên đứt vỡ xương sọ, dập não dẫn đến choáng não rất nặng không hồi phục. Tác nhân: Vật cứng có cạnh không sắc và vật cứng có cạnh tương đối sắc tác động vào vùng đầu, mặt, tay nạn nhân.

Tại Kết luận giám định số: 570/GĐSH-PC54, ngày 29-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chết màu nâu dính trên đầu hai cái cuốc thu tại hiện trường là máu người và có nhóm máu B; Nhóm máu của ông Trần Minh C là nhóm máu B.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm: 02 cái cuốc, 02 đoạn dây thép, 01 cái quẹt Gas, 01 điều thuốc, 01 cái ghế nhựa, 03 mảnh nhựa, 03 phong bì niêm phong mẫu vật.

Bản cáo trạng số 63/KSĐT-HS ngày 22-11-2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận: Trong cuộc sống hôn nhân và sinh hoạt hàng ngày giữa hai vợ chồng bị cáo có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông C thường uống rượu, sau đó về nhà chửi bới và đánh đập bị cáo, sự việc này diễn ra thường xuyên và trong suốt thời gian chung sống. Vào khoảng 06 giờ ngày 03-9-2017, giữa bị cáo và ông C tiếp tục xảy ra cãi cọ nhau, ông C đuổi đánh bị cáo, nên bị cáo bức tức, bức xúc và không làm chủ được, nên đã dùng cuốc đánh nhiều nhát vào đầu và người ông C, hậu quả làm cho ông C bị chết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Phạm Thị T đã phạm tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999; về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an tự thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động người thân (các con của bị cáo) dùng tài sản của mình để lo mai táng cho bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại đã bãi nại cho bị cáo; cha bị cáo là người có công với cách mạng, có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã dùng cuộc đánh ông C gục xuống nền nhà, nhưng khi phát hiện ông C chưa chết, bị cáo lại tiếp tục xuống bếp lấy 01 cái cốc khác và tiếp tục đánh hai cái vào đầu làm cho ông C tử vong, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng”. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm e khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Thị T mức án từ 10 năm đến 12 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên không đặt ra để giải quyết. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu huỷ vật chứng gồm: 02 cái cốc; 02 đoạn dây thép; 01 cái quẹt Gas; 01 điều thuốc; 01 cái ghế nhựa; 03 mảnh nhựa và 03 phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người đại diện hợp pháp của người bị hại không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phạm Thị T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố và ý kiến luận tội đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, nên cần chấp nhận.

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Thị T và ông Trần Minh C là vợ chồng, nhưng cuộc sống hôn nhân và sinh hoạt hàng ngày giữa hai vợ chồng bị cáo có nhiều mâu thuẫn, ông Trần Minh C thường hay uống rượu say và

về nhà chửi bới, đánh đập bị cáo, sự việc này diễn ra thường xuyên và trong suốt thời gian chung sống. Vào khoảng 06 giờ ngày 03-9-2017, giữa bị cáo và ông C tiếp tục xảy ra cãi nhau, ông C cầm ghế nhựa đuổi đánh và ném về phía bị cáo. Bị cáo bức tức, bức xúc và không làm chủ được bản thân, nên đã dùng cuộc đánh nhiều nhát vào đầu ông C, làm cho ông C bị tử vong, sau đó bị cáo đã đến Công an huyện K tự thú. Do đó hành vi của bị cáo Phạm Thị T đã phạm tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

a) Giết nhiều người.

.....

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

Bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết được rằng tính mạng của con người là vốn quý và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm, tước đoạt tính mạng của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc, song xuất phát từ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, bị cáo thường xuyên bị chồng chửi bới, đánh đập, bị cáo đã không là chủ được bản thân, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố ý phạm tội.

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã tước đoạt tính mạng của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an chung của xã hội. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra và cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo đã gây ra. Như vậy mới đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chủ động đến Công an huyện K tự thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động người thân (các con của bị cáo) dùng tài sản của mình để lo mai táng cho bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đã bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cha bị cáo là người có công với cách mạng, có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, do đó Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã dùng cuộc đánh ông C nhiều nhất làm cho ông C gục xuống nền nhà, nhưng khi phát hiện ông C chưa chết, bị cáo lại tiếp tục xuống bếp lấy 01 cái cốc khác và tiếp tục đánh hai cái vào đầu làm cho ông C tử vong. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm: 02 cái cốc, 02 đoạn dây thép, 01 cái quạt Gas, 01 điều thuốc, 01 cái ghế nhựa, 03 mảnh nhựa và 03 phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định. Xét thấy, đây là vật chứng của vụ án và không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy là đúng đắn.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản thiệt hại nào. Xét thấy, ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội: “Giết người”.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 93; các điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 03-9-2017.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án gồm: 02 cái cốc, 02 đoạn dây thép, 01 cái quạt Gas, 01 điều thuốc, 01 cái ghế nhựa, 03 mảnh nhựa và 03 phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định (đặc điểm cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-11-2017).

[3] Về bồi thường thiệt hại: Người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Cục THA dân sự tỉnh Đ;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh K;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Công Bình